

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn và
nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quyết Thắng và ông Nguyễn Quốc Doanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy - Thư ký TAND khu vực 4 - Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên
tòa:** Bà Chu Thị Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2025, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1992.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1985.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Đỗ Phương T, sinh ngày: 26/7/2010.

- Cháu Đỗ Ngọc Đ, sinh ngày: 05/01/2012.

Người đại diện hợp pháp của các cháu là bố mẹ đẻ: anh Đỗ Văn H và chị Hoàng Thị A.

Cùng HKTT: Thôn L, xã N, tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa: Toàn bộ các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã N, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 25/12/2009. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh H ở thôn L, xã N. Anh H làm thợ hàn xì nhôm kính, còn chị mở cửa hàng buôn bán hoa quả tại chợ. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra xích mích, cãi cọ nhau nhưng sau đó lại làm lành và chung sống bình thường. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do anh H không chịu tu chí làm ăn, quan tâm, chăm lo đến gia đình mà thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, chơi bời, nợ nần. Mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, chăm sóc con cái ăn học chị phải lo liệu hết, dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Chị nhiều lần tìm cách khuyên nhủ, động viên và nhờ đến sự khuyên bảo của gia đình hai bên để mong anh thay đổi bản thân, chăm chỉ làm ăn cùng chị nuôi dạy các con nhưng đều không có kết quả. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân luôn trong tình trạng mệt mỏi và bế tắc nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 6/2025 đến nay. Từ đó vợ chồng ly thân, không hỏi han hay quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh H, không muốn tiếp tục chung sống với một người chồng vô trách nhiệm với vợ con và gia đình. Hôn nhân giữa chị và anh H chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Phương T, sinh ngày 26/7/2010 và cháu Đỗ Ngọc Đ, sinh ngày 05/01/2012. Hiện nay cháu T đang ở cùng chị ở nhà ông bà ngoại, còn cháu Đ đang ở cùng anh H tại nhà ông bà nội. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T; còn anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh H sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất ruộng nông nghiệp: Chị và anh H không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận có kết hôn hợp pháp với chị Hoàng Thị A ngày 25/12/2009 tại UBND xã L (nay là UBND xã N). Sau đó, anh và chị A về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh tại thôn L, xã N. Anh là lao động tự do, còn chị A trước đây có thời gian đi làm ăn xa nhà khoảng 03 năm, hiện nay chị A đã về ở nhà và làm nghề buôn bán hoa quả. Quá trình chung sống thỉnh thoảng vợ chồng có xích mích nhỏ, có cãi cọ nhau nhưng sau đó lại làm lành và chung sống bình thường. Đến khoảng đầu năm 2025, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng về quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế và cách ứng xử trong sinh hoạt hàng ngày. Công việc của anh hay phải đi sớm về muộn, nhưng chị A không hiểu và thông cảm cho anh. Chị A cho rằng anh không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, bỏ bê vợ con. Anh thừa nhận thời gian vừa qua anh có đôi lúc vô tâm, ham vui với

bạn bè mà ít quan tâm tới gia đình. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống rất căng thẳng, mệt mỏi. Anh cũng cố gắng sửa chữa những khuyết điểm của bản thân và nhiều lần cố gắng nói chuyện với chị A mong chị hiểu cho anh để vợ chồng hàn gắn tình cảm cùng nhau chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy các con nhưng chị A vẫn không đồng ý. Hiện nay chị A đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống, không ở cùng nhà với anh nữa và quyết định xin ly hôn với anh. Bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị A, anh muốn con được sống trong gia đình có đầy đủ bố mẹ, anh không muốn ly hôn. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu T và cháu Đ. Trường hợp chị A cương quyết xin ly hôn, anh để các cháu tự do lựa chọn ở với bố hoặc mẹ, anh tôn trọng sự lựa chọn của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị A sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất ruộng nông nghiệp: Anh và chị A sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Con chung của chị A và anh H ý kiến như sau:

Cháu Đỗ Phương T cho biết: Cháu là con đẻ của bố Đỗ Văn H và mẹ Hoàng Thị A. Bố mẹ cháu sinh được 02 người con gồm cháu và em cháu là Đỗ Ngọc Đ. Sau khi học hết lớp 9 thì cháu xin mẹ cho cháu theo học nghề làm spa, làm đẹp. Còn em Đ đang là học sinh lớp 8 trường trung học cơ sở L, xã N. Trước đây cả gia đình cháu ở cùng nhà với ông bà nội. Từ tháng 6/2025 mẹ cháu và cháu chuyển về sống cùng ông bà ngoại. Nguyên nhân do mấy năm gần đây bố mẹ cháu hay xích mích, cãi nhau vì bố cháu chơi bời, nợ nần khiến mẹ cháu phải vất vả gánh vác gia đình. Mẹ cháu và ông bà nội ngoại khuyên nhủ nhưng bố không thay đổi. Bố mẹ chung sống không còn hạnh phúc, mẹ cháu quyết định ly hôn. Cháu rất thương bố mẹ và muốn được sống cùng cả bố và mẹ nhưng cháu tôn trọng quyết định của mẹ cháu vì cháu biết mẹ cháu cũng đã cố gắng chịu đựng nhiều năm qua. Cháu đã quen được ở cùng mẹ và ông bà ngoại, mẹ chăm sóc cháu rất đảm bảo và đầy đủ, khi bố mẹ cháu ly hôn cháu xin Tòa án cho cháu được tiếp tục ở với mẹ cháu. Cháu xin vắng mặt khi Tòa án mở các phiên họp, phiên hòa giải giải quyết việc ly hôn của bố mẹ cháu.

Cháu Đỗ Ngọc Đ cho biết: Cả gia đình cháu ở cùng nhà với ông bà nội ở thôn L. Nhưng từ tháng 6/2025 mẹ cháu và chị T chuyển đến sống cùng nhà ông bà ngoại. Còn bố cháu và cháu vẫn ở nhà ông bà nội. Bố mẹ cháu trước đây chung sống hòa thuận, bình thường. Tuy nhiên, mấy năm gần đây cháu thấy bố mẹ nhiều lần xảy ra xích mích, cãi nhau. Mẹ nói với cháu do bố cháu chơi bời, không hỗ trợ và đóng góp gì cho mẹ để chăm sóc gia đình. Mẹ cảm thấy rất áp lực và mệt mỏi khi chung sống cùng bố. Nay mẹ quyết định ly hôn bố, cháu thương cả bố và mẹ, cháu muốn được sống cùng cả bố và mẹ. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn nhưng cháu cũng cảm nhận thấy bố mẹ cháu chung sống không còn hạnh phúc nên cháu tôn trọng quyết định của mẹ. Cháu xin Tòa án cho cháu được tiếp tục ở cùng bố cháu để tiện cho việc học của

cháu, bố và ông bà nội rất yêu thương và cũng chăm sóc cho cháu rất đảm bảo. Cháu xin vắng mặt khi Tòa án mở các phiên họp, phiên hòa giải, xét xử giải quyết việc ly hôn của bố mẹ cháu.

4. Người làm chứng bà Vũ Thị T1 - mẹ đẻ chị A cho biết:

Chị A và anh H có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm và tự nguyện kết hôn năm 2009. Vợ chồng anh chị về sống tại nhà chồng ở thôn L. Anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian rất ngắn là đã xích mích. Ngay khi chị A sinh con đầu lòng đã phát hiện ra anh H không tu chí làm ăn mà thích tụ tập chơi bời, cờ bạc, nợ nần. Ít khi dành thời gian cho gia đình, vợ con. Mặc dù anh H đi làm nhưng làm ra bao nhiêu ăn tiêu, chơi bời hết bấy nhiêu, anh không hỗ trợ gì cho chị A từ việc chăm sóc con đến việc chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Vì cuộc sống chung vợ chồng quá mệt mỏi, áp lực phải lo kinh tế nuôi cả gia đình nên gia đình bà đã đồng ý cho chị A đi làm ăn xa nhà khoảng 02 năm với mục đích vừa là để anh chị có thêm thu nhập để nuôi con, phần khác muốn cho anh chị có thời gian suy nghĩ, nhìn nhận và hàn gắn lại cuộc hôn nhân của mình, cùng nhau nuôi dạy các con. Nhưng từ khi chị A đi làm ăn xa về đến nay, bà nhiều lần nghe chị A tâm sự là tình cảm anh chị cũng không có tiến triển, anh H vẫn tiếp tục chơi bời không chịu sửa đổi. Vì vậy nên chị A đã mang cháu T về ở cùng gia đình bà từ tháng 6/2025 cho đến nay. Từ khi không chung sống cùng nhau nữa, anh chị sống ly thân và cũng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Bản thân bà cũng nhận thấy anh chị chung sống không có hạnh phúc. Nay chị A xin ly hôn, là bậc cha mẹ bà không muốn anh chị ly hôn nhưng nếu chị A vẫn cương quyết muốn ly hôn thì bà tôn trọng quyết định của chị. Bà không có liên quan gì tới tài sản chung, công nợ của anh chị. Bà xin vắng mặt tại các khi hòa giải, xét xử vụ kiện.

5. Kết quả xác minh tại chính quyền thôn L và UBND xã N thể hiện:

Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1985 và chị Hoàng Thị A, sinh năm 1992 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã N, tỉnh Hưng Yên) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 25/12/2009. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Phương T, sinh ngày 26/7/2010 và cháu Đỗ Ngọc Đ, sinh ngày 05/01/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu thì địa phương không nắm được do thuộc phạm vi riêng tư của gia đình. Chính quyền địa phương chưa nhận được đơn yêu cầu hòa giải hay can thiệp từ các bên. Các vấn đề liên quan đến tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng anh H, chị A, địa phương không nắm được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng không hòa giải được do đương sự vắng mặt nên phải đưa vụ kiện ra xét xử.

Tại phiên tòa:

- Chị A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Đỗ Văn H. Về con chung: Chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến khi các cháu thành niên, về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh H sẽ tự thỏa thuận

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn H. Về con chung, đề nghị giao cháu Đỗ Phương T cho chị A nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Ngọc Đ cho anh H nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất nông nghiệp không đặt ra giải quyết. Về án phí, nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền: Xét yêu cầu khởi kiện của chị A về việc xin ly hôn anh Đỗ Văn H; HKTT: thôn L, xã N, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đỗ Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu T, cháu Đ và người làm chứng bà T1 vắng mặt nhưng đã có lời khai và đều xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh H được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã N, tỉnh Hưng Yên) ngày 25/12/2009, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh H không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình, một mình chị A phải lo toan, gánh vác mọi việc. Từ tháng 6/2025 đến nay, vợ chồng ly thân, không còn liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Mâu thuẫn giữa chị A và anh H đã

được chứng minh từ chính lời khai của anh chị, ý kiến của các con chung, của người làm chứng, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương. Việc anh H cho rằng còn tình cảm với chị A, anh muốn các con được sống cùng cả bố và mẹ nên không đồng ý ly hôn. Thực tế cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã nảy sinh từ năm 2012, kéo dài đến nay mà không thể giải quyết được do anh H chơi bời, không sửa đổi, chị A do phải chịu đựng khó khăn, áp lực thời gian dài nên đã ly thân. Trong thời gian ly thân, anh H cho rằng còn tình cảm với chị A nhưng cũng không có hành động gì hàn gắn mà vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Các con chung của anh chị cũng cảm nhận anh chị chung sống không còn hạnh phúc. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A là chính đáng, phù hợp với thực tế hôn nhân, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị được ly hôn anh H.

[4]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Phương T, sinh ngày 26/7/2010 và cháu Đỗ Ngọc Đ, sinh ngày 05/01/2012. Từ khi vợ chồng ly thân chị Anh nuôi cháu T, anh H nuôi dưỡng cháu Đ. Quan điểm của chị A khi ly hôn là giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay, anh H thì tôn trọng sự lựa chọn của các cháu.

Xét thấy: Cháu T có nguyện vọng tiếp tục ở với chị A, cháu Đ có nguyện vọng tiếp tục ở với anh H. Nguyện vọng này của các cháu phù hợp với quan điểm của chị A và anh H, phù hợp với điều kiện sống thực tế của đôi bên. Do vậy, cần giữ nguyên việc nuôi dưỡng con chung như hiện tại để đảm bảo ổn định cuộc sống của vợ chồng và các con, đáp ứng được nguyện vọng của các con chung. Giao cháu T cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh H đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Chị A và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết các vấn đề này.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn chị A phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Luật phí và lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Hoàng Thị A được ly hôn anh Đỗ Văn H.

- **Về con chung:** Giao cháu Đỗ Phương T, sinh ngày 26/7/2010 cho chị Hoàng Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Đỗ Ngọc Đ, sinh ngày 05/01/2012 cho anh Đỗ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau ly hôn, chị Hoàng Thị A và anh Đỗ Văn H đều được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị A và anh H đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

- **Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp:** Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002551 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị A đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên
(ĐKKH số 95, ngày 25/12/2009 tại UBND xã Long Hưng cũ);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thoa